

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2018.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tám

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà:
 Bà Đặng Thị Nhung – kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1177/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, Thông báo mở phiên tòa số 21/2018/TB-MPT ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975;

Địa chỉ nơi cư trú: xã S, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1991

Hộ khẩu thường trú : xã S, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: xã S, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt xét xử lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Giữa ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Kim P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P.

Về con chung: ông H xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 06-3-2009.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu toà án giải quyết.

*Bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt nhiều lần làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do.

*Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn bà P cư trú tại thành phố Vũng Tàu; Nay ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Vũng Tàu vào ngày 07 tháng 4 năm 2009, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó hôn nhân của ông H và bà P là hợp pháp đúng qui định của pháp luật.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông H là do bà P đam mê cờ bạc, gây nợ nần nhiều. Ông H đã nhiều lần góp ý, khuyên nhủ nhưng bà P không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, tình cảm ngày càng rạn nứt. Bà P bỏ về nhà bố mẹ ruột đã hơn 02 (hai) năm nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Tại phiên tòa, ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà P. Bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho bà P trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để Hội đồng xét xử xem xét nhưng bà P không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình, đã tự tước bỏ quyền lợi của mình.

Xét thấy, qua xác minh tại địa P xác định mâu thuẫn vợ chồng ông H và bà P là có thật. Nguyên nhân mâu do bà P đam mê cờ bạc, gây nợ nần nhiều nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng ông H và bà P không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, sống ly thân đã lâu, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà P là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: ông H và bà P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 06-3-2009. Ông H có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của con được ở với ông H. Xét thấy, cháu V đang thực tế sống cùng ông H và cũng có nguyện vọng ở với ba nên để không làm xáo trộn đời sống và tâm sinh lý nên giao con cho ông H nuôi dưỡng là hợp tình hợp lý.

- Về cấp dưỡng : ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: ông H và bà P không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông H là nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu “ ly hôn” của ông Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Thị Kim P.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P.

2. Về con chung: ông H và bà P có 01 (một) con chung tên Nguyễn HVũ, sinh ngày 06/3/2009. Ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng V. Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007837 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông H đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BR_VT;
- VKSND TPVT;
- THADS TPVT;
- UBND xã S, TPVT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	
	Hội thẩm nhân dân	Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Hội thẩm nhân dân	Chủ tọa phiên tòa
-------------------	---	-------------------